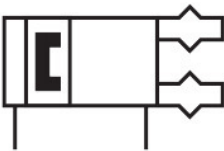
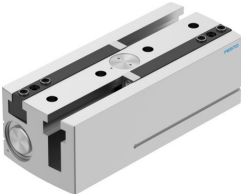


Xylanh kẹp loại song song HGPL-63-150-A-B

Số bộ phận: 3361494



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	63
Hành trình trên mỗi hàm kẹp	150 mm
Độ chính xác trao đổi tối đa	0.2 mm
Bộ gấp tối đa hàm góc chơi rù, ay	0.2 °
Khe chấu kẹp tối đa Sz	0.05 mm
đối xứng quay	0.2 mm
Độ chính xác lắp lại kẹp	0.03 mm
Số chấu kẹp	2
Loại bộ truyền động	khí nén
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Chức năng kẹp	Song song
Thiết bị an toàn lực kẹp	không có
Cấu trúc xây dựng	Pít tổng đôi Dẫn hướng thanh trượt pít tổng Dạng T Thanh răng/bánh răng
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Áp suất vận hành	3 bar...8 bar
Tần số làm việc tối đa của kẹp	1 Hz
Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	1020 ms
Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	850 ms
Khối lượng tối đa trên mỗi ngón tay kẹp bên ngoài	940 g
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ môi trường xung quanh	5 °C...60 °C
Mở tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	2466 N
Đóng tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	2742 N
Mở lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	1233 N

Đặc tính	Giá trị
Đóng lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	1371 N
Mô-men quán tính khối lượng	2247.54 kgcm ²
Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh	9000 N
Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh	300 N m
Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh	200 N m
Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh	250 N m
Khoảng thời gian bôi trơn các phần tử dẫn hướng	5 triệu lượt
trọng lượng sản phẩm	18100 g
Kiểu gắn	với ren trong và vòng măng xông với lỗ xuyên và vòng măng sông
Cổng nối khí nén	G1/8
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn
Hàm kẹp vật liệu	Thép cứng